對話 Hội thoại

1.Cô giáo : Chào các em !

2.Học sinh : Em chào cô ạ !

3.Cô giáo : Mình làm quen nhé.
Em tên là gì ?

4.Học sinh : Dạ, em tên là An ạ.

5.Cô giáo : Chào em An ! Còn em ?

6.Học Sinh : Dạ, em tên là Dũng ạ.

7.Cô giáo : Chào em Dũng !
Cô rất vui được làm quen với các em.

*** 注意：晚輩跟長輩說話時，要注意用敬語。
例如：- 回應【是的】，【好的】，【了解】前面要用【Dạ】
- 句末要以【ạ】結束

詞彙 Từ vựng

- chào hỏi 打招呼，問候
- cô giáo 女老師
- học sinh 學生
- các em 同學們(老師角度)
- làm quen 認識
- tên 名字
- là 是
- với 跟, 和
- gì 什麼
- rất vui 很開心
- được 可以

LIVEWORKSHEETS